

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng tỉnh Quảng Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1330/TTr-SNV ngày 03 tháng 10 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Thi đua, khen thưởng tỉnh Quảng Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25/11/2019 và thay thế Quyết định số 40/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế Thi đua, Khen thưởng tỉnh Quảng Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Thi đua - Khen thưởng TW;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Báo Quảng Bình;
- Đài Phát thanh - Truyền hình QB;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Công Thuật

QUY CHẾ

Thi đua, khen thưởng tỉnh Quảng Bình

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **35** /2019/QĐ-UBND
ngày **M** tháng **M** năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

2. Những nội dung về công tác thi đua, khen thưởng không quy định tại Quy chế này thực hiện theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với tập thể, cá nhân, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương đóng trên địa bàn tỉnh; người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài; cơ quan, tổ chức nước ngoài và các tổ chức quốc tế ở Việt Nam; các tổ chức và cá nhân ngoài tỉnh tham gia các phong trào thi đua của tỉnh đạt được thành tích tiêu biểu, xuất sắc hoặc có những đóng góp lớn cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng Đảng, chính quyền của tỉnh Quảng Bình được khen thưởng.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

1. Nguyên tắc thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Việc xét tặng các danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua; mọi cá nhân, tập thể tham gia phong trào thi đua đều phải có đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

Điều 4. Nguyên tắc khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây viết tắt là Nghị định số 91/2017/NĐ-CP); Điều 2, Điều 3 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04/11/2019 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ (sau đây viết tắt là Thông tư số 12/2019/TT-BNV), cụ thể:

1. Không khen thưởng nhiều hình thức cho một thành tích đạt được. Các cá nhân trong một năm đã được tặng thưởng Bằng khen Thủ tướng Chính phủ trở lên hoặc danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh thì không trình Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen và năm tiếp theo không xét tặng các danh hiệu thi đua,

hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh, trừ trường hợp khen thành tích đột xuất, khen chuyên đề.

2. Mỗi tập thể, cá nhân trong một năm được tặng không quá 02 Bằng khen (trừ khen thưởng thành tích đột xuất).

3. Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo, quản lý.

4. Chỉ lấy kết quả khen thưởng theo công trạng và thành tích toàn diện làm căn cứ xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng. Kết quả khen thưởng theo đợt (chuyên đề) được ghi nhận và ưu tiên khi xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng vào dịp khen thưởng tổng kết năm.

5. Chưa xét khen thưởng đối với: Tập thể, cá nhân đang xem xét thi hành kỷ luật hoặc điều tra, thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo đang chờ kết luận của cơ quan chức năng (không bao gồm đơn thư nặc danh); đơn vị, địa phương có cá nhân là lãnh đạo chủ chốt (người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu) đang bị xử lý kỷ luật từ khiển trách trở lên hoặc đơn vị có thời gian hoạt động dưới 01 năm (12 tháng).

6. Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ và cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu và có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác (công chức, viên chức, người lao động, chiến sĩ trong lực lượng vũ trang, nông dân, người dân tộc ít người).

7. Khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn cá nhân nữ hoặc tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được giảm 1/3 thời gian so với quy định chung; trường hợp quy định tuổi nghỉ hưu cao hơn thì thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình công hiến được thực hiện theo quy định chung.

8. Thời gian trình khen thưởng lần tiếp theo được tính theo thời gian lập được thành tích ghi trong quyết định khen thưởng lần trước. Đối với quyết định khen thưởng không ghi thời gian lập được thành tích thì thời gian trình khen thưởng lần sau được tính theo thời gian ban hành quyết định khen thưởng lần trước.

9. Đối với các tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng Huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” phải lấy ý kiến của nhân dân trên phương tiện truyền thông của tỉnh (Báo Quảng Bình hoặc Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Bình, Cổng thông tin điện tử tỉnh) trước khi họp Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh 05 ngày. Ý kiến phản hồi gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng (cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh).

Điều 5. Việc tổ chức tôn vinh, giải thưởng

Việc tổ chức tôn vinh và đề ra các giải thưởng do tỉnh tổ chức hoặc do Trung ương tổ chức có liên quan đến khen thưởng và trao giải thưởng phải được đăng ký với Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) trước

thời điểm tổ chức 07 ngày làm việc.

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua, công tác khen thưởng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo phong trào thi đua và công tác khen thưởng trong toàn tỉnh.

2. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh các phong trào, nội dung thi đua để phát động thi đua; kiểm tra thực hiện các phong trào thi đua, phối hợp tuyên truyền, tổ chức tôn vinh các điển hình tiên tiến và thực hiện chính sách thi đua, khen thưởng.

3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng ban, ngành, cơ quan, đơn vị, tổ chức Đảng, Mặt trận TQVN, đoàn thể, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn tổ chức phong trào thi đua trong phạm vi quản lý. Chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích xứng đáng để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; tuyên truyền, tôn vinh các điển hình tiên tiến và tạo điều kiện để tập thể, cá nhân được khen thưởng huân chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, danh hiệu "Chiến sĩ thi đua toàn quốc" được trao đổi, giao lưu, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng những sáng kiến, mô hình hay, cách làm hiệu quả.

4. Các cơ quan truyền thông, báo chí có trách nhiệm tuyên truyền các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng; phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; cổ động phong trào thi đua, đưa tin phản ánh đúng kết quả của phong trào thi đua và công tác khen thưởng; đấu tranh, phê phán hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận theo nhiệm vụ, quyền hạn của mình:

a) Tổ chức và phối hợp với các cơ quan Nhà nước để phát động, triển khai phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm và nhân rộng các điển hình tiên tiến; tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào thi đua và thực hiện chính sách khen thưởng;

b) Giám sát việc thực hiện và đề xuất giải pháp để thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Chương II

TỔ CHỨC THI ĐUA, DANH HIỆU VÀ TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 7. Hình thức tổ chức phong trào thi đua

1. Các hình thức tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ; Điều 4 Thông tư số 12/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

K

2. Các phong trào thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) có thời gian từ 03 năm trở lên và có đăng ký với UBND tỉnh khi tổng kết phong trào (hoặc đợt thi đua) được xem xét khen thưởng cấp tỉnh cho tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào, đợt thi đua.

Điều 8. Phát động thi đua và nội dung tổ chức phong trào thi đua

Việc phát động và chỉ đạo phong trào thi đua được thực hiện theo quy định tại Điều 18 Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản pháp luật có liên quan. Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 16 Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 5 Thông tư số 12/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Điều 9. Các danh hiệu thi đua

Thực hiện theo Điều 20 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể:

1. Đối với cá nhân: Chiến sĩ thi đua toàn quốc; Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh; Chiến sĩ thi đua cơ sở; Lao động tiên tiến; Chiến sĩ tiên tiến.

2. Đối với tập thể: Cờ thi đua của Chính phủ, Cờ thi đua của UBND tỉnh, Tập thể lao động xuất sắc, Tập thể lao động tiên tiến; Đơn vị quyết thắng và Đơn vị tiên tiến (đối với LLVT nhân dân); Thôn văn hóa, Bản văn hóa, Tổ dân phố văn hóa.

3. Đối với hộ gia đình: Gia đình văn hóa.

Điều 10. Tiêu chuẩn danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”

Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” thực hiện theo quy định tại Điều 24 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 11. Tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” thực hiện theo quy định tại Điều 23 Luật Thi đua, khen thưởng và khoản 3 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Mỗi cơ quan, đơn vị bình chọn số lượng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không vượt quá 15% trong tổng số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”. Trong tổng số các cá nhân được xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, tỷ lệ các cá nhân trực tiếp lao động sản xuất, người không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý được xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” không được dưới 30%.

Điều 12. Tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”

Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” thực hiện theo quy định tại Điều 22 Luật Thi đua, khen thưởng và khoản 2 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 13. Tiêu chuẩn danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc”

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” thực hiện

theo quy định tại Điều 21 Luật Thi đua, khen thưởng và khoản 1 Điều 9 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thời điểm xét danh hiệu “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” là năm liền kề với năm đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh lần thứ hai.

Điều 14. Việc thẩm định đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến đề nghị công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc” và đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước

Thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 45 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 6 Thông tư số 12/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Đối với các đề tài đã được nghiệm thu, sáng kiến đã được công nhận thì nộp văn bản chứng nhận của cơ quan quản lý có thẩm quyền đối với sáng kiến hoặc văn bản nghiệm thu đề tài khoa học các cấp.

Giao Ban Thi đua - Khen thưởng (cơ quan thường trực Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh) phối hợp với các cơ quan liên quan (nếu cần thiết) tổng hợp, tham mưu Hội đồng Khoa học, sáng kiến tỉnh xét, công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến để có cơ sở trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng.

Điều 15. Tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” thực hiện theo quy định tại Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Đối với các cơ quan, đơn vị, các doanh nghiệp mới thành lập phải có thời gian hoạt động từ 01 năm (12 tháng) trở lên mới bình xét danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”.

Điều 16. Tiêu chuẩn danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị Quyết thắng”

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị Quyết thắng” thực hiện theo quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị Quyết thắng” được xét tặng hàng năm cho tập thể xuất sắc, tiêu biểu trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”. Số lượng đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị Quyết thắng” không vượt quá 30% trong tổng số các tập thể được công nhận danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến”.

3. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”:

a) Cấp tỉnh: Xét tặng đối với các đơn vị thuộc chi cục; chi cục, phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, Mặt trận TQVN, đoàn thể cấp tỉnh;

b) Cấp huyện: Xét tặng đối với các phòng, ban, đơn vị trực thuộc cấp

huyện; UBND xã, phường, thị trấn;

c) Đối với đơn vị sự nghiệp: Xét tặng các trường học, bệnh viện và các đơn vị sự nghiệp khác; các khoa, phòng, trung tâm trực thuộc bệnh viện tuyến huyện, tuyến tỉnh và các trường chuyên nghiệp; các trạm y tế cấp xã, phòng khám đa khoa khu vực;

d) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh: Xét tặng các hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, doanh nghiệp và các xí nghiệp, phân xưởng, chi nhánh, tổ, đội sản xuất thuộc doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh không phải là đơn vị thành viên trực thuộc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty.

4. Các xã, phường, thị trấn xuất sắc là tập thể hàng năm được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận chính quyền cơ sở vững mạnh và đạt chỉ số cải cách hành chính từ 60 điểm trở lên.

5. Đối tượng xét tặng danh hiệu “Đơn vị Quyết thắng” được xét tặng hàng năm cho Công an xã, Ban bảo vệ dân phố.

Điều 17. Tiêu chuẩn danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”

1. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” thực hiện theo quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng hàng năm cho:

a) Đơn vị thành viên thuộc các cụm, khối thi đua có thành tích tiêu biểu xuất sắc được bình xét, suy tôn dẫn đầu phong trào thi đua các cụm, khối thi đua của tỉnh.

Quy định số lượng đơn vị được bình chọn đề nghị tặng Cờ như sau:

- Cụm, khối thi đua có từ 10 đơn vị trở lên: Chọn đơn vị xếp thứ nhất, nhì (trừ Cụm thi đua các huyện, thị xã, thành phố);

- Khối thi đua có từ 09 đơn vị trở xuống: Chọn đơn vị xếp thứ nhất;

b) Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua của sở, ban, ngành, Mặt trận TQVN, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, doanh nghiệp và phải có số lượng công chức, viên chức và người lao động từ 07 thành viên trở lên, gồm:

- Các phòng, ban chuyên môn và đơn vị thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể và cấp tương đương của tỉnh;

- Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện, các phòng, ban chuyên môn và các đơn vị trực thuộc cấp huyện;

- Các đơn vị tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua thuộc các doanh nghiệp;

- Các xã, phường, thị trấn xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua của huyện, thị xã, thành phố;

- Các trường học, bệnh viện và tương đương có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua của tỉnh ở mỗi cấp học, lĩnh vực. Trong đó:



+ Đối với lĩnh vực giáo dục và đào tạo, cờ dẫn đầu các cấp học được UBND tỉnh xét tặng không quá 14 cờ thi đua ở các cấp học;

+ Đối với lĩnh vực y tế: UBND tỉnh xét tặng không quá 03 cờ;

- Đối với lực lượng vũ trang, UBND tỉnh tặng cờ cho đơn vị dẫn đầu hàng năm như sau:

+ 02 cờ thi đua trong việc thực hiện nhiệm vụ Quốc phòng - An ninh;

+ Đối với Công an tỉnh được xét tặng không quá 02 cờ cho các đơn vị trực thuộc dẫn đầu phong trào thi đua “Vì An ninh Tổ quốc”; không quá 03 cờ cho các tập thể dẫn đầu phong trào thi đua “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc” trên địa bàn tỉnh;

+ Đối với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh được xét tặng 01 cờ cho các đơn vị trực thuộc;

+ Đối với Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh được xét tặng 01 cờ cho các đơn vị trực thuộc;

Việc công nhận tập thể tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua để xét đề nghị tặng thưởng danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” cho các đơn vị trực thuộc phải thông qua bình xét, đánh giá, bình chọn theo các lĩnh vực thi đua do các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố, thị xã, các doanh nghiệp tổ chức;

c) Đối với các đơn vị đã được bình xét suy tôn là đơn vị xếp thứ nhất, nhì phong trào thi đua các cụm, khối thi đua của tỉnh có dưới 20 phòng, ban, đơn vị tương đương trực thuộc thì không đề nghị tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh cho các phòng, ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc;

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh đề nghị tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh” phải đạt chỉ số cải cách hành chính từ 75 điểm trở lên; các huyện, thành phố, thị xã đạt từ 70 điểm trở lên trong năm xét thưởng.

3. Danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh” được xét tặng theo chuyên đề cho tập thể đạt thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong việc thực hiện các chương trình mục tiêu, các phong trào thi đua có quy mô, phạm vi ảnh hưởng rộng trong toàn tỉnh và do tỉnh phát động từ 05 năm trở lên.

Điều 18. Tiêu chuẩn danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ”

Danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” thực hiện theo quy định tại Điều 25 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 11 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 19. Danh hiệu thi đua khác

1. Danh hiệu “Gia đình văn hóa” ở xã, phường, thị trấn được xét tặng cho hộ gia đình đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 29 Luật Thi đua, khen thưởng và khoản 3 Điều 50 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Danh hiệu thôn, bản, tổ dân phố văn hoá được xét tặng cho thôn, bản,

tổ dân phố và tương đương đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 30 Luật Thi đua, khen thưởng và khoản 3 Điều 50 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 20. Các hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn đề nghị xét tặng Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Kỷ niệm chương hoặc Huy hiệu của các Bộ, ngành, Trung ương, của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Huân chương:

Thực hiện theo quy định tại Điều 32 đến Điều 51 Luật Thi đua, khen thưởng và các quy định tại Điều 14 đến Điều 33 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Huy chương:

Thực hiện theo quy định tại Điều 52 đến Điều 57 Luật Thi đua, khen thưởng và các quy định tại Điều 34, 35, 36 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Danh hiệu vinh dự Nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Điều 59 đến Điều 65 Luật Thi đua, khen thưởng.

4. “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”: Thực hiện theo quy định tại Điều 66, 67, 68 Luật Thi đua, khen thưởng.

5. Kỷ niệm chương, Huy hiệu: Thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 37 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

6. Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: Thực hiện theo quy định tại Điều 71 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 38 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 21. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 72 Luật Thi đua, khen thưởng và Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được:

a) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do tỉnh phát động hàng năm;

- Lập được nhiều thành tích, có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc tỉnh;

- Có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở; đối với công nhân, nông dân, người lao động lập được nhiều thành tích trong lao động sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp;

b) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau đây:

- Có thành tích được bình xét trong các cụm, khối thi đua thuộc tỉnh;

- Có 02 năm trở lên liên tục đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách pháp luật;

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua;

c) Số lượng đề nghị tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho cá nhân, tập thể khen thưởng công tác năm được quy định như sau:

- Đối với cá nhân: Không quá 15% trong tổng số cán bộ, công chức, viên chức và người lao động có 02 năm trở lên liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;

- Đối với tập thể: Không quá 30% trong tổng số phòng, ban, chi cục trực thuộc hoặc tương đương có 02 năm trở lên liên tục đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.

3. Khen thưởng đột xuất: Tập thể, cá nhân có thành tích mưu trí dũng cảm cứu người, cứu tài sản, gương người tốt, việc tốt; đạt các giải trong các hội thi, hội diễn quốc tế; đạt giải trong các kỳ thi Olympic quốc tế, khu vực; đạt giải nhất, nhì, ba cấp quốc gia;

Đối với gia đình: Gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp bằng công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

4. Khen thưởng đối ngoại: Tặng thưởng cho các tổ chức, cá nhân ngoài tỉnh; tổ chức nước ngoài và cá nhân người nước ngoài có thành tích đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của tỉnh Quảng Bình.

5. Khen thưởng thành tích theo chuyên đề (hoặc theo đợt): Tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do UBND tỉnh hoặc bộ, ngành, Mặt trận TQVN, đoàn thể trung ương phát động thi đua và phải gửi văn bản phát động phong trào thi đua về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) ngay từ đầu năm hoặc từ khi phát động phong trào thi đua. Số lượng đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xét khen thưởng cho một chuyên đề: Không quá 05 tập thể và 05 cá nhân (*trừ các chuyên đề có tính chất từ thiện, nhân đạo, các chuyên đề có phạm vi ảnh hưởng rộng, hoặc có ý kiến chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh*).

Khen thưởng thành tích chuyên đề chủ yếu khen cho các đối tượng trực tiếp thực hiện nội dung chuyên đề, các đối tượng tham gia gián tiếp (lãnh đạo, chỉ đạo) thì thành tích tham gia chuyên đề xét chung vào thành tích hàng năm tại đơn vị công tác. Trường hợp một đối tượng tham gia nhiều chuyên đề, có thành tích xuất sắc, trong năm chỉ xét tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh một lần.

6. Khen thưởng theo quy định khác của Chủ tịch UBND tỉnh:

a) Khen thưởng nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập vào các năm chẵn, năm tròn (5 năm, 10 năm...) Chủ tịch UBND tỉnh chỉ xét khen thưởng cho 01 tập thể (tập thể có tư cách pháp nhân);

b) Khen thưởng nhân dịp tổng kết hoặc đại hội nhiệm kỳ 05 năm cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, số lượng không quá 05 tập thể và 05 cá nhân;

c) Khen thưởng một số trường hợp đặc biệt khác thực hiện theo chỉ đạo hoặc văn bản quy định của tỉnh hoặc của Trung ương.

Điều 22. Giấy khen

Giấy khen thực hiện theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG, TRAO TẶNG; THỦ TỤC, HỒ SƠ VÀ THỜI GIAN XÉT ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 23. Thẩm quyền quyết định khen thưởng

1. Thẩm quyền quyết định tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu vinh dự Nhà nước, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Kỷ niệm chương hoặc Huy hiệu của các Bộ, ngành, Trung ương, của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện theo quy định tại Điều 77, Điều 78 Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Quyết định tặng Bằng khen, danh hiệu “Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”;

b) Xem xét, đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước tặng thưởng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước (sau đây gọi chung là khen thưởng cấp Nhà nước);

c) Hiệp y khen thưởng với các Bộ, ban, ngành, Mặt trận TQVN, đoàn thể Trung ương.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh:

a) Quyết định tặng Giấy khen, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”. Đối với Mặt trận TQVN và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh quyết định tặng Bằng khen

theo quy định của cơ quan Trung ương của các tổ chức;

b) Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, Cờ thi đua của UBND tỉnh và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Quyết định tặng Giấy khen, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Thôn, bản, tổ dân phố văn hoá”;

b) Đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xét, tặng Bằng khen, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Tập thể lao động xuất sắc”, Cờ thi đua của UBND tỉnh và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Quyết định tặng Giấy khen, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Gia đình văn hóa”;

b) Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét, tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn theo quy định.

6. Đối với các tổ chức kinh tế:

Người lao động, tập thể người lao động làm việc tại công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty liên doanh nước ngoài; hợp tác xã trong các ngành nghề nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, dịch vụ, thương mại... do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã trực tiếp quản lý xem xét, quyết định khen thưởng và đề nghị cấp trên khen thưởng.

7. Đối với các hội là tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội cấp tỉnh:

Chủ tịch các hội: Quyết định tặng Giấy khen, danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”. Đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét, tặng Bằng khen, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Tập thể lao động xuất sắc” và trình khen thưởng cấp Nhà nước.

Điều 24. Thẩm quyền xét duyệt, cho ý kiến hồ sơ khen thưởng

1. Đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến trước khi trình Thủ tướng Chính phủ đối với các hình thức khen thưởng cho các tập thể, cá nhân: Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Độc lập, danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, Thầy thuốc Nhân dân, Nghệ sĩ Nhân dân, Nghệ nhân Nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.

2. Thường trực Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến về việc đề nghị tặng thưởng:

- Huân chương Lao động, Huân chương Bảo vệ Tổ quốc, Huân chương Chiến công (các hạng), danh hiệu Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ

ưu tú, Nghệ nhân ưu tú, Huân chương Đại đoàn kết dân tộc, Huân chương Dũng cảm, Huân chương Hữu nghị cho các tập thể và cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý;

- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ cho các tập thể, cá nhân thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

3. Việc công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh ký quyết định tặng thưởng cho các đối tượng trên cơ sở hồ sơ đề nghị của các địa phương, đơn vị; Chủ tịch UBND tỉnh - Chủ tịch Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh giao Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định.

4. Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh xét duyệt, đề nghị tặng thưởng các danh hiệu thi đua và hình thức khen cao gồm: Anh hùng Lao động, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Huân chương các hạng trở lên; Cờ thi đua của Chính phủ; Chiến sĩ thi đua toàn quốc; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ.

5. Ban Thi đua - Khen thưởng chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ tham mưu cho UBND tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh xét duyệt khen thưởng các trường hợp thuộc thẩm quyền;

Tham mưu cho Chủ tịch UBND tỉnh các trường hợp Bộ, ngành Trung ương đề nghị UBND tỉnh hiệp ý để trình Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch nước khen thưởng.

6. Hội đồng Thi đua, khen thưởng các sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp chịu trách nhiệm thẩm định, xét duyệt hồ sơ thuộc thẩm quyền thủ trưởng các sở, ban, ngành, địa phương, doanh nghiệp quyết định khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng.

7. Trong quá trình thẩm định, xét duyệt hồ sơ đề nghị khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm lấy ý kiến hiệp ý của các cơ quan có liên quan khi cần thiết. Khi có văn bản đề nghị hiệp ý gửi đến để lấy ý kiến, sau 05 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được văn bản) các cơ quan liên quan có trách nhiệm trả lời, trường hợp không có ý kiến giao Ban Thi đua - Khen thưởng tiến hành các thủ tục trình khen thưởng theo quy định.

Các danh hiệu Cờ thi đua UBND tỉnh, chiến sĩ thi đua cấp tỉnh thuộc khối cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp, giao cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh xin ý kiến các Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách ngành, lĩnh vực trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh.

8. Đối với những đơn vị thuộc đối tượng có nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước và nộp BHXH cho người lao động (đối với doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp có thu), khi trình các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng của UBND tỉnh trở lên phải có xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước, nộp BHXH cho người lao động; đối với doanh nghiệp thuộc đối



tượng kiểm toán khi trình khen cao cho doanh nghiệp và người đứng đầu doanh nghiệp phải có báo cáo kết quả kiểm toán của cơ quan kiểm toán có thẩm quyền trong thời gian 05 năm trước thời điểm đề nghị khen thưởng; đối với doanh nghiệp không thuộc đối tượng kiểm toán trong báo cáo thành tích phải nêu căn cứ không thuộc đối tượng kiểm toán.

Điều 25. Tuyển trình khen thưởng

1. Tuyển trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Sở, ban, ngành, Mặt trận TQVN, đoàn thể, địa phương nào chủ trì phát động các đợt thi đua theo chuyên đề, khi tổng kết khen thưởng sử dụng hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền, trường hợp đặc biệt tiêu biểu xuất sắc mới đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Tập thể, cá nhân ngoài tỉnh, người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài có thành tích đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh liên quan đến sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương nào thì Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương đó quyết định khen thưởng hoặc đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

Điều 26. Tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng

1. Tổ chức trao tặng:

a) Tổ chức trao tặng các danh hiệu, hình thức khen cấp Nhà nước: Khi có quyết định khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ thì theo tuyển trình khen thưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương có tập thể, cá nhân được khen thưởng phối hợp với cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng) để có kế hoạch hướng dẫn tổ chức trao thưởng;

b) Tổ chức trao tặng các danh hiệu, hình thức khen thưởng cấp tỉnh: Cơ quan, đơn vị có kế hoạch tổ chức trao trong hội nghị sơ kết, tổng kết chuyên đề, tổng kết năm;

c) Đối với các trường hợp khen thưởng đột xuất Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, khen thưởng cấp Nhà nước, giao Ban Thi đua - Khen thưởng phối hợp với đơn vị đề nghị khen thưởng tổ chức trao tặng trực tiếp;

d) Mỗi trường hợp được khen thưởng chỉ trao tặng và đón nhận một lần ở cấp khen thưởng mà xét thấy có tác dụng giáo dục nêu gương tốt nhất.

2. Nghi thức trao tặng và tổ chức đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo quy định của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón tiếp khách nước ngoài. Yêu cầu buổi lễ phải được tổ chức trang trọng, thiết thực, hiệu quả và tiết kiệm, tạo sự phấn khởi, lòng tự hào, khí thế mới để tiếp tục thi đua lập thành tích cao hơn.



Điều 27. Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Trung ương, cấp tỉnh

1. Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước (khen cao) được thực hiện theo quy định tại Điều 49 đến Điều 57 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Thủ tục, hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện như sau:

a) Hồ sơ đề nghị xét tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh” (01 bộ) gồm có:

* Đối với hồ sơ đề nghị xét tặng Cờ thi đua dẫn đầu cụm, khối thi đua gồm:

- Tờ trình kèm danh sách đề nghị;

- Biên bản bình xét của Hội nghị cụm, khối thi đua;

- Báo cáo thành tích của tập thể đề nghị xét tặng Cờ thi đua (theo mẫu số 01, Phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ).

* Đối với hồ sơ đề nghị xét tặng Cờ thi đua dẫn đầu sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; các huyện, thành phố, thị xã, doanh nghiệp gồm:

- Tờ trình kèm danh sách đề nghị;

- Biên bản bình xét đề nghị của Hội đồng Thi đua, khen thưởng cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức;

- Báo cáo thành tích của tập thể đề nghị xét tặng Cờ thi đua (theo mẫu số 01, Phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ).

b) Hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” (01 bộ) gồm:

- Tờ trình kèm danh sách đề nghị;

- Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức;

- Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” (có xác nhận của Thủ trưởng trực tiếp quản lý);

(Theo mẫu số 02, Phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ);

- Quyết định công nhận đề tài sáng kiến của Thủ trưởng cấp trình khen; báo cáo sáng kiến, giải pháp công tác theo mẫu số 03 đính kèm theo Quy chế này hoặc văn bản nghiệm thu đề tài khoa học cấp tỉnh;

c) Hồ sơ đề nghị xét tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị Quyết thắng” (01 bộ) gồm có:

* Đối với hồ sơ đề nghị xét tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh cho đơn vị trong cụm, khối thi đua của tỉnh gồm:

- Tờ trình kèm danh sách đề nghị khen thưởng;

- Biên bản bình xét của Hội nghị cụm, khối thi đua;

ls

- Báo cáo thành tích của tập thể đề nghị xét tặng Bằng khen (theo mẫu số 01, Phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ).

* Đối với hồ sơ đề nghị xét tặng Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh hàng năm gồm:

- Tờ trình kèm danh sách đề nghị khen thưởng;

- Biên bản bình xét của Hội đồng Thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức;

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị xét tặng Bằng khen (theo mẫu số 01 và 02, Phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ);

(Đối với các cá nhân căn cứ thành tích “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” phải nộp Quyết định công nhận đề tài, sáng kiến của Thủ trưởng cấp trình khen, đồng thời kèm theo biên bản họp đánh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức của các năm đó).

* Hồ sơ xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị Quyết thắng” gồm:

- Tờ trình đề nghị khen thưởng;

- Biên bản họp của Hội đồng Thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức;

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng (có xác nhận của đơn vị trình khen thưởng);

(Theo mẫu số 01, Phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ).

d) Hồ sơ đề nghị khen thưởng chuyên đề (01 bộ) gồm có:

- Tờ trình đề nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức;

- Biên bản họp của Hội đồng Thi đua, khen thưởng của cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức;

- Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng (có xác nhận của đơn vị trình khen thưởng);

(Theo mẫu số 07, Phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ).

đ) Hồ sơ đề nghị hiệp y, xác nhận thành tích (01 bộ) gồm có:

- Văn bản đề nghị hiệp y, xác nhận thành tích của cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Báo cáo thành tích của đối tượng xin hiệp y, xác nhận thành tích;

- Văn bản hướng dẫn khen thưởng của bộ, ngành, đoàn thể Trung ương.

e) Hồ sơ trình UBND tỉnh khen thưởng (01 bộ) gồm có:

- Tờ trình của Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh;

- Dự thảo Quyết định và danh sách tập thể, cá nhân đề nghị khen thưởng;
- Hồ sơ của đơn vị trình khen thưởng (bản phô tô).

3. Thủ tục đơn giản chỉ áp dụng cho khen thưởng đột xuất và thực hiện theo Điều 85 Luật Thi đua, khen thưởng. Việc đề nghị khen thưởng phải thực hiện ngay sau khi tập thể, cá nhân lập được thành tích xuất sắc, đột xuất.

a) Hồ sơ đề nghị khen thưởng đột xuất gồm có:

- Tờ trình và danh sách đề nghị khen thưởng;
- Báo cáo tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích, công trạng (theo mẫu số 06, Phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ).

b) Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với cá nhân (đồng bào dân tộc ít người, nông dân, ngư dân, công nhân) gồm có:

- Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng;
- Báo cáo tóm tắt thành tích do cơ quan, đơn vị và địa phương đề nghị thực hiện.

c) Số lượng hồ sơ đề nghị khen thưởng:

- Hồ sơ đề nghị Chủ tịch nước khen thưởng: 03 bộ;
- Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ khen thưởng: 02 bộ;
- Hồ sơ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng: 01 bộ.

4. Xét khen thưởng đối ngoại

Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối ngoại (01 bộ) gồm có:

- Tờ trình kèm danh sách đề nghị khen thưởng;
- Báo cáo thành tích của tổ chức, cá nhân được đề nghị khen thưởng (theo mẫu số 08 và 09, Phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ).

5. Đối với những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách cho nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh và khen cấp nhà nước cho đơn vị và Thủ trưởng đơn vị, phải có xác nhận của cơ quan thuế về những nội dung sau:

- Xác nhận số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp so với đăng ký;
- Tỷ lệ % về số nộp ngân sách nhà nước so với năm trước;
- Đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật và nộp đúng thời hạn.

6. Mẫu báo cáo thành tích đề nghị tặng thưởng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo phụ lục kèm theo Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ; các mẫu tờ trình, biên bản họp Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thực hiện theo mẫu số 01 và số 02, mẫu viết đề tài sáng kiến

thực hiện theo mẫu 03, đính kèm theo Quy chế này.

7. Lưu trữ hồ sơ khen công tác năm, khen chuyên đề và khen đột xuất thuộc thẩm quyền UBND tỉnh quyết định được lưu giữ sau một năm, kể từ ngày ký quyết định khen thưởng, nếu không có trường hợp khiếu nại thì được đưa vào lưu trữ theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Thời gian trình và xử lý hồ sơ khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng hàng năm gửi về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất ngày 10 tháng 02 năm sau; riêng khen thưởng theo năm học của ngành Giáo dục và Đào tạo trước ngày 10 tháng 7. Các trường hợp khen thưởng sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua (khen thưởng chuyên đề) gửi trước ngày trao thưởng ít nhất 07 ngày, trường hợp khen thưởng đột xuất trước 03 ngày;

Riêng hồ sơ đề nghị khen thưởng các đơn vị xếp thứ nhất, nhì, ba của các cụm, khối thi đua gửi về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất ngày 15 tháng 02 năm sau.

2. Hồ sơ đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng hàng năm gửi về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất ngày 28/02 năm sau; khen thưởng năm học ngành Giáo dục và Đào tạo trước ngày 15/7;

Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ, đề nghị Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” được xét 05 năm một lần và gửi về UBND tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng) chậm nhất ngày 30 tháng 8 của năm liền kề của năm tổ chức Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc, trừ những trường hợp có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất.

3. Ban Thi đua - Khen thưởng có trách nhiệm thẩm định hồ sơ đề nghị khen thưởng, trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định khen thưởng trong phạm vi không quá 05 ngày làm việc, trường hợp có lấy ý kiến hiệp y của các cơ quan liên quan không quá 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;

- Trong trường hợp không tham mưu, đề xuất trình cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng thì phải có văn bản thông báo cho đơn vị trình biết và nêu rõ lý do thông báo trong thời gian không quá 05 ngày làm việc hoặc thông báo theo chỉ đạo của UBND tỉnh;

- Đối với trường hợp hồ sơ không hợp lệ thì phải hướng dẫn đầy đủ một lần tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ khen thưởng trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản cho đơn vị trình khen thưởng trong thời gian không quá 03 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ khen thưởng qua đường bưu điện. Từ khi đơn vị nhận thông báo hướng dẫn hồ sơ trong vòng 10 ngày làm việc phải hoàn chỉnh bổ sung và nộp hồ sơ theo quy định;

- Thời gian tiếp nhận và xử lý hồ sơ khen thưởng được tính theo ngày phiếu biên nhận, dấu văn bản đến, dấu bưu điện.

Điều 29. Báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; đăng ký giao ước thi đua

Báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng phải gửi trước ngày 30

tháng 12 hàng năm; Bản đăng ký các danh hiệu thi đua gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng trước ngày 15/02 hàng năm;

Đối với hệ thống Giáo dục - Đào tạo, gửi Báo cáo tổng kết công tác thi đua, khen thưởng trước ngày 10/7 hàng năm; Bản đăng ký các danh hiệu thi đua gửi đến Ban Thi đua - Khen thưởng trước ngày 25/10 hàng năm;

Các tập thể đăng ký danh hiệu Cờ thi đua của UBND tỉnh, Cờ thi đua của Chính phủ, đơn vị lập danh sách gửi về Ban Thi đua - Khen thưởng để tổng hợp chung.

Điều 30. Mẫu Bằng khen, Giấy khen, Giấy chứng nhận khen thưởng

Mẫu Bằng khen, Giấy khen, Giấy chứng nhận khen thưởng thực hiện theo quy định tại Nghị định số 85/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ. Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị trước khi phát hành Giấy khen, Giấy chứng nhận khen thưởng phải được Ban Thi đua - Khen thưởng duyệt, thẩm định mẫu và đăng ký lưu mẫu.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Mục 1

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ CÔNG TÁC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 31. Tuyên truyền, phổ biến nhân rộng điển hình tiên tiến

1. Chủ tịch UBND tỉnh hàng năm chỉ đạo triển khai các nội dung sau:

a) Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng;

b) Xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền nhân rộng những điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu trong phong trào thi đua để biểu dương, tôn vinh, khen thưởng kịp thời;

c) Tập trung tuyên truyền về những điển hình, nhân tố mới, những tập thể, cá nhân tiêu biểu được tặng các phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước, những tấm gương mới trong việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến ở các lĩnh vực.

2. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) chủ trì phối hợp với Sở Thông tin Truyền thông, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và các cơ quan thông tin truyền thông đẩy mạnh công tác tuyên truyền tư tưởng thi đua yêu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về thi đua, khen thưởng; biểu dương, tôn vinh, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua trên phạm vi toàn tỉnh. Đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua;

- Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Bình, Báo Quảng Bình và các cơ quan truyền thông trên địa bàn tỉnh làm tốt công tác tuyên truyền, kịp thời phát

hiện, nêu gương điển hình tiên tiến trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh; mở các chuyên trang, chuyên mục phổ biến kinh nghiệm, cách làm sáng tạo, hiệu quả của các điển hình tiên tiến, nhân tố mới, mô hình mới;

- Theo dõi, tổng hợp kết quả tuyên truyền các phong trào thi đua và tình hình giới thiệu điển hình tiên tiến của các cơ quan, đơn vị, địa phương để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và đánh giá, chấm điểm thi đua hàng năm.

Điều 32. Đào tạo, bồi dưỡng

1. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) có trách nhiệm:

a) Xây dựng nội dung, chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác thi đua, khen thưởng trong toàn tỉnh;

b) Các cơ quan, tổ chức đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch hàng năm để tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương.

Mục 2

HỘI ĐỒNG THI ĐUA, KHEN THƯỞNG; HỘI ĐỒNG KHOA HỌC, SÁNG KIẾN CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

Điều 33. Thẩm quyền thành lập và cơ cấu Hội đồng Thi đua, khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh:

a) Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh là cơ quan tham mưu cho cấp ủy Đảng và chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập;

b) Thành phần Hội đồng, gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Hội đồng có từ 15 đến 17 thành viên, trong đó có từ 03 đến 04 Phó Chủ tịch và các ủy viên do Chủ tịch Hội đồng quyết định;

- Ban Thi đua - Khen thưởng là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh.

2. Hội đồng Thi đua, khen thưởng của sở, ban, ngành, Mặt trận TQVN, đoàn thể cấp tỉnh:

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng Thi đua, khen thưởng của sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;

b) Thành phần Hội đồng Thi đua, khen thưởng của sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh:

- Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;

- Hội đồng có từ 07 đến 09 thành viên, trong đó có từ 01 đến 02 Phó Chủ tịch và các ủy viên do Chủ tịch Hội đồng quyết định;

- Cơ quan chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh là Văn phòng hoặc phòng Tổ chức hành chính của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh.

3. Hội đồng Thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp, hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân:

a) Thẩm quyền thành lập: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Tổng Giám đốc doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng quản trị Hợp tác xã quyết định thành lập Hội đồng Thi đua, khen thưởng của doanh nghiệp, hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân;

b) Cơ cấu Hội đồng Thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp, hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Tổng Giám đốc doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng quản trị Hợp tác xã;

- Hội đồng có từ 05 đến 07 thành viên, trong đó có từ 01 đến 02 Phó Chủ tịch và các ủy viên do Chủ tịch Hội đồng quyết định;

- Cơ quan chuyên trách làm công tác thi đua, khen thưởng của các doanh nghiệp do Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Tổng Giám đốc doanh nghiệp, Chủ tịch Hội đồng quản trị Hợp tác xã quyết định.

4. Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp huyện:

a) Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng Thi đua, khen thưởng của cấp huyện;

b) Thành phần Hội đồng Thi đua, khen thưởng cấp huyện gồm:

- Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

- Hội đồng có từ 13 đến 15 thành viên, trong đó có từ 02 đến 03 Phó Chủ tịch và các ủy viên do Chủ tịch Hội đồng quyết định;

- Phòng Nội vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua, khen thưởng.

Điều 34. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Thi đua, khen thưởng

1. Tham mưu cho Thủ trưởng của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền.

2. Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu việc sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn của cơ quan, đơn vị, địa phương.

3. Đôn đốc kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách pháp luật về thi đua, khen thưởng.

4. Tham mưu cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương, doanh nghiệp tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm

quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 35. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học các cấp do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thành lập. Thành phần Hội đồng các cấp gồm những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác. Hội đồng sáng kiến, Hội đồng khoa học các cấp có nhiệm vụ giúp người đứng đầu công nhận sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học được ứng dụng vào thực tiễn mang lại hiệu quả để làm căn cứ đề nghị xét tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua các cấp và đề nghị các hình thức khen thưởng theo quy định.

Chương VI

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Mục 1

LẬP, SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ QUỸ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 36. Nguồn và mức trích quỹ

1. Quỹ Thi đua, khen thưởng của cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được hình thành từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm với mức tối đa bằng 1,0% chi ngân sách thường xuyên đối với mỗi cấp ngân sách thuộc khu vực đồng bằng và mức trích tối đa bằng 1,5% chi ngân sách thường xuyên đối với khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và từ nguồn đóng góp của cá nhân, tổ chức trong nước, nước ngoài và các nguồn thu hợp pháp khác.

2. Quỹ Thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị thực hiện theo Điều 65 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 37. Sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng

1. Quỹ Thi đua, khen thưởng được sử dụng để chi cho in ấn Giấy chứng nhận, Giấy khen, Bằng khen, Huy hiệu, Cờ thi đua; khung Bằng khen, Giấy khen, Giấy chứng nhận;

- Chi tiền thưởng hoặc tặng phẩm lưu niệm cho các cá nhân, tập thể;

- Trích 20% trong tổng Quỹ Thi đua, khen thưởng của từng cấp để chi cho công tác tổ chức chỉ đạo, sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua; công tác tuyên truyền, phổ biến nhân điển hình tiên tiến; thanh tra, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Nguyên tắc tính tiền thưởng:

a) Danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cao hơn thì mức tiền thưởng cao hơn;

b) Trong cùng một hình thức, cùng một mức khen, mức tiền thưởng đối với tập thể cao hơn mức tiền thưởng đối với cá nhân;

c) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích, một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo các mức tiền thưởng khác nhau thì nhận mức tiền thưởng cao nhất;

d) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt các danh hiệu thi đua khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua;

đ) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua vừa đạt hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và của hình thức khen thưởng.

3. Người Việt Nam ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài, được khen các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng và kèm theo tặng phẩm lưu niệm.

Điều 38. Quản lý Quỹ Thi đua, khen thưởng

1. Quỹ Thi đua, khen thưởng của cấp nào do cơ quan thi đua, khen thưởng cấp đó quản lý; nguồn trích, tỷ lệ và mức trích trên cơ sở dự toán kế hoạch; việc quyết toán căn cứ số chi thực tế theo đúng chế độ, chính sách quy định.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc cấp nào quyết định khen thưởng thì cơ quan, đơn vị đó có trách nhiệm chi tiền thưởng kèm hình thức khen thưởng từ Quỹ Thi đua, khen thưởng do cơ quan, đơn vị mình quản lý.

3. Các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ tặng cho các tập thể, cá nhân thuộc các sở, ban, ngành, Mặt trận TQVN, đoàn thể, cơ quan, đơn vị địa phương được UBND tỉnh trình khen thưởng và các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng được Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng, tiền thưởng được trích từ nguồn kinh phí thi đua khen thưởng của tỉnh.

4. Quỹ Thi đua, khen thưởng phải được sử dụng đúng mục đích, công khai, minh bạch, hàng năm phải báo cáo quyết toán tình hình sử dụng Quỹ theo quy định hiện hành. Cuối năm, Quỹ Thi đua, khen thưởng còn dư chưa sử dụng hết được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng cho công tác thi đua, khen thưởng.

Mục 2

MỨC TIỀN THƯỞNG VÀ CÁC QUYỀN LỢI CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG

Điều 39. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại mục 2, Chương VI Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 40. Mức tiền thưởng kèm theo các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng của Chủ tịch UBND tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố; xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đơn vị trong tỉnh, cụ thể như sau:

1. Đối với cá nhân:

a) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” được tặng Bằng chứng nhận, Huy hiệu và được thưởng 3,0 lần mức lương cơ sở;

b) “Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh” được tặng Bằng và được thưởng 1,0 lần mức lương cơ sở;

c) Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được thưởng 1,0 lần mức lương cơ sở;

d) Cá nhân được tặng Giấy khen quy định tại các điểm a, b, c, d, khoản 2 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng được thưởng 0,3 lần mức lương cơ sở;

Cá nhân được tặng Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã được thưởng 0,15 lần mức lương cơ sở;

đ) Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” được thưởng 0,3 lần mức lương cơ sở.

2. Đối với tập thể:

a) Danh hiệu “Cờ thi đua của UBND tỉnh” được tặng cờ và được thưởng 8,0 lần mức lương cơ sở;

b) “Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh” được tặng Bằng và được thưởng 2,0 lần mức lương cơ sở;

c) Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị Quyết thắng” được tặng Bằng chứng nhận và được thưởng 1,5 lần mức lương cơ sở;

d) Danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” được thưởng 0,8 lần mức lương cơ sở;

đ) Tập thể được tặng Giấy khen các cấp được kèm theo tiền thưởng gấp 2 lần tiền thưởng đối với cá nhân quy định tại điểm d, khoản 1 Điều này.

3. Các trường hợp khen thưởng đột xuất gương người tốt, việc tốt, hành động dũng cảm, đạt giải trong các hội thi, hội diễn... tùy theo thành tích, phạm vi tác dụng nêu gương và khả năng Quỹ thi đua, khen thưởng để khen thưởng động viên, khuyến khích cho từng trường hợp do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

4. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh tặng thưởng cho các tập thể ở các cụm, khối thi đua của tỉnh kèm theo mức tiền thưởng 2,0 lần mức lương cơ sở.

5. Tiền thưởng sau khi nhân với hệ số mức lương cơ sở chung được làm tròn số lên hàng chục ngàn đồng tiền Việt Nam.

6. Người Việt Nam ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài, tập thể cá nhân trong và ngoài tỉnh có nhiều đóng góp cho tỉnh trong các lĩnh vực an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo được tặng các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng và kèm theo tặng phẩm lưu niệm có giá trị tương đương mức tiền thưởng của tổ chức, công dân Việt Nam được khen thưởng.

Điều 41. Tập thể, cá nhân được tặng thưởng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng được nhận khung, bằng, hiện vật, tiền thưởng hoặc vật phẩm lưu niệm kèm theo.

Điều 42. Đối với các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng của Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh có trách

nhệm nhận Bằng, hiện vật để tổ chức trao thưởng và cấp phát cho các đối tượng được khen theo quy định.

Điều 43. Đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động lập thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ ngoài việc được khen thưởng theo quy định, được ưu tiên xét nâng lương trước thời hạn, ưu tiên cử đi nghiên cứu học tập, công tác, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ở trong nước và nước ngoài theo quy định của Đảng và Nhà nước.

Chương VII

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ; TƯỚCC VÀ PHỤC HỒI DANH HIỆU

Điều 44. Quyền và Nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Điều 76, Điều 77 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 45. Xử lý vi phạm

1. Cá nhân, tập thể được khen thưởng; cá nhân, tập thể có thẩm quyền quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên có thẩm quyền quyết định khen thưởng, nếu có hành vi vi phạm trong quá trình kê khai, thực hiện thủ tục và quyết định khen thưởng thì sẽ bị xử lý theo quy định tại Điều 80, Điều 81 Luật Thi đua, khen thưởng. Thủ tục, hồ sơ hủy bỏ quyết định khen thưởng thực hiện theo Điều 78 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

2. Cá nhân được tặng thưởng Danh hiệu vinh dự Nhà nước mà vi phạm pháp luật hình sự, bị tòa án xét xử bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật và bị tuyên án tù hình phạt tù có thời hạn trở lên thì bị tước danh hiệu vinh dự Nhà nước. Trường hợp bị xét xử oan, sai được cơ quan có thẩm quyền minh oan, sửa sai thì cá nhân được phục hồi và trao lại danh hiệu đã bị tước. Thủ tục, hồ sơ tước hoặc phục hồi danh hiệu thực hiện theo quy định tại Điều 79 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP.

Điều 46. Kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng

1. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) có trách nhiệm tham mưu Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng tại các cơ quan, đơn vị theo quy định; kịp thời bổ sung biện pháp nâng cao chất lượng công tác thi đua, khen thưởng; hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ về công tác thi đua, khen thưởng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương trong toàn tỉnh.

2. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng tại cơ quan, đơn vị, địa phương do mình quản lý.

3. Trường khối, Trường cụm thi đua có trách nhiệm kiểm tra, giám sát phong trào thi đua theo các giao ước thi đua đã ký kết.

Điều 47. Trách nhiệm trong việc kê khai và xác nhận thành tích

1. Trách nhiệm của cá nhân: Cá nhân được đề nghị khen thưởng chịu

trách nhiệm về tính chính xác trong việc kê khai, báo cáo thành tích đề nghị các cấp xét khen thưởng.

2. Trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương: Chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định các hồ sơ, báo cáo thành tích và tính chính xác của các hồ sơ, báo cáo thành tích đề nghị xét khen thưởng cho tập thể, cá nhân của đơn vị mình trước khi trình cấp trên.

Điều 48. Khiếu nại tố cáo

1. Cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của mình theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

3. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) tổ chức làm công tác thi đua, khen thưởng của các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tiếp nhận, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, xác minh, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương giải quyết các khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan, đơn vị, địa phương.

Chương VIII

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CỤM, KHỐI THI ĐUA

Điều 49. Tổ chức cụm, khối thi đua

1. Tổ chức các cụm, khối thi đua của tỉnh là các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; huyện, thị xã, thành phố, doanh nghiệp thuộc tỉnh; các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp Trung ương trên địa bàn tỉnh.

2. Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh tổ chức các cụm, khối để tổ chức các phong trào thi đua trong toàn tỉnh.

Các cụm, khối có Trưởng cụm (khối) và Phó Trưởng cụm (khối); bộ phận làm công tác thi đua của các sở, ban, ngành, đoàn thể; UBND huyện, thành phố, thị xã, doanh nghiệp làm nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho cụm, khối.

Điều 50. Hoạt động của cụm, khối thi đua

Cụm, khối thi đua hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, đoàn kết, hợp tác cùng phát triển. Cụm, khối thi đua có nhiệm vụ:

1. Xây dựng kế hoạch, nội dung, phương pháp tổ chức hoạt động phong trào thi đua giữa các đơn vị thành viên.

2. Tổ chức phát động và ký giao ước thi đua; phối hợp tổ chức thực hiện các phong trào thi đua; xây dựng nhân rộng điển hình tiên tiến, tổ chức giao lưu, học tập kinh nghiệm giữa các đơn vị.

3. Tổng hợp, đánh giá phong trào thi đua; bình chọn, suy tôn đơn vị dẫn đầu để UBND tỉnh xét tặng cờ thi đua.

Điều 51. Trách nhiệm của Trưởng cụm (khối); Phó Trưởng cụm (khối)

1. Trưởng (cụm) khối là đơn vị chịu trách nhiệm trước Hội đồng Thi đua, khen thưởng tỉnh về tổ chức hoạt động của cụm, khối thi đua, có nhiệm vụ:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch và quy chế tổ chức hoạt động để đẩy mạnh phong trào thi đua; tổ chức ký giao ước thi đua trong cụm, khối;

b) Xây dựng và thống nhất tiêu chí thi đua, thang điểm để bình xét thi đua phù hợp với đặc điểm của cụm, khối;

c) Tổ chức giao lưu, học tập kinh nghiệm tổ chức phong trào thi đua giữa các đơn vị trong cụm, khối;

d) Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết; tổng hợp kết quả thi đua của cụm, khối và xem xét đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng;

đ) Trưởng cụm, khối phân công bộ phận làm công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị mình tổng hợp phong trào thi đua, công tác khen thưởng của cụm, khối.

2. Phó Trưởng cụm, khối có trách nhiệm phối hợp và giúp Trưởng cụm, khối thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

Điều 52. Trách nhiệm của các đơn vị trong khối thi đua

1. Căn cứ vào nhiệm vụ chính trị để xây dựng nội dung thi đua, tổ chức phát động phong trào thi đua và thực hiện công tác khen thưởng của đơn vị.

2. Tham gia đầy đủ các hoạt động của cụm, khối và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Điều 53. Bình xét thi đua trong cụm, khối

1. Các đơn vị tự chấm điểm trên cơ sở các tiêu chí và thang bảng điểm đã được cụm, khối thống nhất.

2. Bộ phận phụ trách công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị giúp Trưởng cụm, khối rà soát bảng điểm của từng đơn vị; đề xuất những nội dung cần điều chỉnh.

3. Tại phiên họp tổng kết công tác thi đua cuối năm, lãnh đạo các đơn vị trong cụm, khối thảo luận thống nhất đánh giá, nhận xét chung của cụm, khối và của từng đơn vị; trên cơ sở đó suy tôn đơn vị tiêu biểu của cụm, khối.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 54. Tổ chức thực hiện

1. Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng khác của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên, các cơ quan làm công tác Đảng, các tổ chức xã hội, xã hội nghề nghiệp, Lực lượng vũ trang nhân dân, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, căn cứ Quy chế và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương, thống nhất với Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh để cùng phối hợp thực hiện.

2. Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Giám đốc doanh nghiệp căn cứ Quy chế này để xây dựng những quy định cụ thể, phù hợp với ngành, địa phương, cơ quan đơn vị mình. Ngoài các danh hiệu thi đua, các hình thức khen thưởng và các nội dung thi đua, hình thức khen thưởng trong Quy chế này, Thủ trưởng sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, địa phương, doanh nghiệp có thể có các hình thức động viên khác nhưng không trái với Luật Thi đua, khen thưởng.

3. Các cơ quan, đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh căn cứ hướng dẫn của bộ, ngành, đoàn thể trung ương và vận dụng Quy chế này để thực hiện tốt công tác thi đua, khen thưởng, tổ chức xây dựng các phong trào thi đua, phát hiện và bồi dưỡng nhân điển hình tiên tiến ở cơ quan, đơn vị.

4. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ về công tác thi đua, khen thưởng; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc các ngành, các cấp thực hiện Quy chế này.

5. Quá trình thực hiện có phát sinh, vướng mắc, các ngành, các địa phương, các đơn vị phản ánh về Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, sửa đổi kịp thời. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Công Thuật